

Bản án số: **28/2022/DS - PT**

Ngày: 22/4/2022

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị T1ỷ và ông Hoàng Quý Sửu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị T1 Thuỷ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 và ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp lỗi đi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Vũ Vinh Quang – Công ty luật TNHH Minh Châu, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Ngọc Thị L1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L1: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Trần Xuân H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo uỷ quyền của anh H1: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

5. Chị Vũ Thị T1 H, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

8. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc M1, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Đỗ Đình C, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

5. Ông Đỗ Văn G, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên
6. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên
7. Ông Vũ Văn B, sinh năm 1944 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên
8. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên
9. Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1958 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên
10. Ông Trần Văn P, sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: Xóm C1, xã ĐS, thị xã PY (nay là thành phố PY), tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn là anh Trần Hoàng A trình bày: Năm 1982 sau khi Đội 5 – Hợp tác xã ĐT giải thể, gia đình bà Trần Thị K đã có đơn xin đất và ra khu đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐTở và làm nhà (nay thuộc một phần của thửa 1217 – tờ bản đồ 7(88) xã ĐS; đến năm 1993 bà Trần Thị K được Ủy ban nhân dân huyện PY (nay là thị xã PY) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: C 175036, số vào sổ cấp GCN: 258/QSDĐ ngày 21/6/1993 mang tên bà Trần Thị K, trong đó có phần diện tích đất ở gia đình đang sử dụng, nhưng khi cấp giấy chứng nhận đã ghi thành thửa 1062- tờ bản đồ 88, diện tích 620m². Vị trí thửa đất của gia đình bà sử dụng giáp với thửa 1065- tờ bản đồ 88 của gia đình ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị M. Trong quá trình sinh sống trên thửa đất này gia đình bà K và ông H có sử dụng chung con đường đi, đoạn lối từ đường liên thôn của Xóm C1, xã ĐS đi tiếp giáp với đất của thửa 1065 – tờ bản đồ 88 của ông H vào đất của bà K (thửa 1217, tờ bản đồ 88) có chiều dài khoảng 50m, chiều rộng khoảng 3m. Năm 2001 gia đình ông H đào ao làm sạt lở phần diện tích lối đi, nên hai bên xảy ra tranh chấp và được UBND xã ĐS hòa giải; UBND Xã ĐS đã kết luận, trên bản đồ không có lối đi và hai bên thống nhất để lại con đường rộng 1,7m để hai bên sử dụng chung, nhưng sau đó gia đình ông H tiếp tục mức ao sâu khoảng 3m khiến cho đường đi tiếp tục bị sạt lở, chỗ hẹp nhất chỉ còn lại khoảng 60cm. Từ năm 2008 thì gia đình bà K đã chuyển ra khu đất khác cùng xóm ở, không còn ở trên khu đất này nữa. Hiện nay, trên thửa đất này gia đình chỉ sử dụng trồng chuối và một số cây tạp, không có công trình nhà ở trên đất.

Đến năm 2017, do đường đi bị sạt lở nhiều, gia đình bà K đổ đá để giữ đường đi nhưng ông H không đồng ý, nên tiếp tục xảy ra tranh chấp; UBND xã ĐS đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, do vậy bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã PY, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Trần Văn H phải trả lại phần diện tích lối đi đã bị lấn chiếm, đoạn lối từ đường liên thôn của Xóm C1 qua thửa 1065 – tờ bản đồ 88 của gia đình ông H vào đến đất của bà K (nay thuộc thửa 1217 – tờ bản đồ 88) có chiều dài khoảng 50m, chiều rộng là 3m.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và Người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau:

1. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: C 175036, số vào sổ cấp GCN: 258/QSĐĐ ngày 21/6/1993 mang tên bà Trần Thị K.
2. Bản sao biên bản giải quyết về việc tranh chấp đường đi ngày 10/02/2001 của UBND xã ĐS và Đơn đề nghị ngày 18/9/2017 của bà Trần Thị K.
3. Công văn số 104/UBND ngày 06/11/2017 của UBND xã ĐS về việc chuyển hồ sơ theo đơn đề nghị của bà Trần Thị K;
4. Biên bản xác minh thực địa ngày 28/9/2017 của UBND xã ĐS;
5. Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị K và ông Trần Văn H ngày 05/10/2017 tại UBND xã ĐS;
6. Biên bản hòa giải lần 2 giữa bà Trần Thị K và ông Trần Văn H ngày 31/10/2017 tại UBND xã ĐS;

Ngoài ra còn một số tài liệu là bản sao Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của gia đình bà Trần Thị K.

Tại phiên tòa Người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông Trần Văn H phải trả lại phần diện tích lối đi có chiều rộng là 3m, chiều dài là từ đường liên thôn của Xóm C1 vào đến đất của bà K đang sử dụng là thửa 1217, tờ bản đồ số 88. Vị trí lối đi hiện nay thuộc thửa 1359 – tờ bản đồ số 7 (88) là do gia đình ông H đã tự ý tách cho con trai là Trần Xuân H1 trong khi đang có tranh chấp, nhưng ông Trần Văn H vẫn là người đang trực tiếp quản lý sử dụng nên vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Trần Văn H phải trả lại phần diện tích lối đi có chiều dài và chiều rộng như đã nêu trên, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét xử lý hành vi vi phạm sử dụng đất của ông Trần Văn H, xử lý các cá nhân, cơ quan cho anh Trần Xuân H1 khi đất đang có tranh chấp.

Mặt khác, Người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn còn xác định con đường đi đã được hình thành từ trước năm 1982 và đã được hai gia đình sử dụng chung, quá trình sinh sống trên thửa đất này gia đình có sử dụng xe ô tô để trở vật liệu để làm nhà, nên yêu cầu đề nghị của bà Trần Thị K về việc buộc gia đình ông H trả lại lối đi có chiều rộng 3m là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất để mở rộng lối đi theo yêu cầu của ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị M; đề nghị HĐXX

xem xét xử lý hành vi lấn chiếm đất và tự ý tách đất của ông H cho anh Trần Xuân H1 khi đất đang có tranh chấp.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Vị trí thửa đất gia đình bà K sử dụng nay là một phần của thửa 1217, tờ bản đồ 88, chứ không phải là thửa 1062 – tờ bản đồ 88 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà K. Nguồn gốc thửa đất này trước đây là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT. Sau khi Hợp tác xã giải thể thì gia đình bà K có ra đó ở và có xây một căn nhà 03 gian cấp 4 cùng công trình vệ sinh trên đất; Đến năm 2005 gia đình bà K có đổi 1/2 diện tích của thửa đất này cho anh trai là Trần Văn T4 để lấy thửa đất khác cùng xóm, năm 2009 gia đình bà K chuyển ra khu đất khác ở và không còn ở trên thửa đất này nữa, hiện nay trên thửa đất này đã bỏ hoang, không có nhà ở, chỉ trồng một số cây chuối.

Về nguồn gốc con đường đi: Con đường đi này đã có từ thời các cụ để lại, khi Đội 5 - Hợp tác xã ĐT còn hoạt động, có đi nhờ qua đất nhà ông (chính là lối đi bây giờ), nhưng không phải là đường duy nhất để vào đất sân kho. Khoảng năm 1981 – 1982 bà K làm nhà ra khu đất sân kho của Đội 5 - Hợp tác xã ĐT ở nhưng đã rào kín lại, không sử dụng lối đi này, mà đi nhờ qua đất của của bố đẻ (nay do anh trai là Trần Văn T4 sử dụng). Đến khoảng năm 1994 – 1995 bà K có sang hỏi cho đi nhờ qua lối đi này, nghĩ tình nghĩa anh em ông đã đồng ý cho bà K sử dụng lối đi này và hai gia đình sử dụng chung lối đi cho đến năm 2009 gia đình bà K chuyển đi khu đất khác ở, không còn sử dụng lối đi này nữa. Năm 2008 gia đình ông cũng làm quán bán hàng ra phần đường bê tông của xóm và chuyển công ra đường liên thôn, không sử dụng lối đi này nữa. Hiện nay trên thực địa là lối đi nhỏ qua bờ ao vào đất bà K trồng chuối.

Về chiều rộng con đường đi: Trước đây lối đi chỉ rộng khoảng hơn 2m, nhưng vì lối đi này tiếp giáp với phần đất ao, quá trình mưa gió đã làm sạt lở vào phần đường đi, chỗ rộng còn lại chỉ khoảng 1,7m, gia đình ông đã phải xây kè xuống phía chân bờ ao để cho đất không bị sạt lở tiếp. Năm 2001 khi gia đình bà K có đơn yêu cầu UBND xã ĐS giải quyết, gia đình ông đã đồng ý để lại lối đi có chiều rộng là 1,7m để hai gia đình sử dụng chung; năm 2017 bà K lại tiếp tục có đơn ra UBND xã ĐS cho rằng gia đình ông lấn chiếm đường đi, yêu cầu gia đình ông phải trả lại lối đi có chiều rộng là 1,7m, nhưng ông không đồng ý vì toàn bộ phần lối đi trên là đất của gia đình ông, không đồng ý để cho bà K đi nhờ trên thửa đất đó nữa.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông phải trả lại phần diện tích lối đi có chiều dài khoảng 50m, chiều rộng là 3m ông không đồng ý, bởi: Nguồn gốc con đường đi này là đất của các cụ nhà ông để lại và cho bà K đi nhờ, theo bản đồ địa chính xã ĐS thể hiện không có con đường đi trên, nên việc bà K khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất và yêu cầu trả lại lối đi có chiều rộng là 3m là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn H đồng ý để con đường đi có chiều dài lối từ đường liên thôn của xóm vào đến đất bà K, chiều rộng là 1,7m, nhưng bà K phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá thỏa thuận hoặc kết quả định giá của Tòa án. Bị đơn không tranh luận, đối đáp gì đối với phần trình bày lập luận của Nguyên đơn, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

Những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Trần Hoàng A (là con đẻ của bà K) và chị Vũ Thị T1 H (con dâu bà K) trình bày: Nhất trí với nội dung và ý kiến như phần trình bày của Nguyên đơn, không đề nghị gì thêm, mong HĐXX xem xét giải quyết để gia đình sớm có lối đi vào thửa đất để sử dụng.

- Bà Hoàng Thị M (vợ ông H) đồng thời là người đại diện hợp pháp cho anh Trần Xuân H1 và chị Ngọc Thị L1 (con trai và con dâu) trình bày: Xác định nguồn gốc đất và nguồn gốc con đường đi vào đất sân kho như ông Trần Văn H, trình bày là đúng. Theo bản đồ địa chính thì toàn bộ phần lối đi này thuộc thửa đất số 1065 – tờ bản đồ 88 đã cấp cho vợ chồng ông H, bà M từ năm 1993, chứ không phải gia đình ông bà lấn chiếm. Năm 2019 do có nhu cầu cho vợ chồng anh H1, chị L1 ra ở riêng nên ông bà đã làm thủ tục tách một phần của thửa đất 1065 tặng cho con trai là Trần Xuân H1; ngày 21/4/2020 anh Trần Xuân H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS: 01883 đối với thửa 1359 – tờ bản đồ số 7, diện tích 633m² (trong đó có phần lối đi hiện bà K đang tranh chấp) tuy nhiên trên thực tế thửa đất này vẫn do vợ chồng ông cùng gia đình quản lý sử dụng.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu gia đình ông H phải trả lại lối đi có chiều rộng là 3m, chiều dài từ đường liên thôn vào đến thửa đất số 1217, bà M, anh H1, chị L1 không nhất trí, chỉ đồng ý để lại lối đi có chiều dài và rộng là 1,7m và buộc gia đình bà K phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá.

- Ông Trần Văn L1 trình bày: Vị trí thửa đất bà K đang sử dụng có nguồn gốc là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, năm 1980 bà K bỏ chồng ở Đồng Tiến về ở chung với bố mẹ, đến năm 1981 ông Trần Văn Phú (bố bà K) làm một gian nhà nhỏ cho bà K ra phần đất sân kho của Hợp tác xã, khi đó bà K ở một mình, rào kín bốn xung quanh, không có đường đi, mà đi nhờ qua đất của bố mẹ; Năm 1983 bà K sinh ra cháu Trần Hoàng A và hai mẹ con sinh sống trên thửa đất đó, đến năm 1995 - 1996 khi cháu Trần Hoàng A lớn cần đường đi lại nên đã hỏi nhà ông H cho đi nhờ lối đi này và hai gia đình sử dụng chung cho đến khi bà K chuyển ra khu đất khác ở thì không sử dụng lối đi này nữa.

Về chiều rộng con đường đi trước đây nhỏ, chỉ rộng khoảng 2m, quá trình sử dụng đất, bờ ao bị sụt lún, gia đình ông L1 và ông H đã xây bờ rào lượn cong vào phần đất của gia đình ông L1, để lại lối đi có chiều rộng khoảng 2m để bà K sử dụng, nhưng vẫn không đồng ý, thường xuyên nói xấu, chửi bới là cướp đất.

Nay ranh giới thửa đất của gia đình ông tiếp giáp với phần lối đi mà bà K và ông H tranh chấp đã được xây bờ rào ổn định và các bên không tranh chấp gì về ranh giới tiếp giáp với phần lối đi, nên ông không có ý kiến gì. Theo kết quả đo đạc khi xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần lối đi hiện nay lấn vào thửa đất của gia đình ông, nhưng ông đồng ý để lại phần lối đi theo hiện trạng như hiện nay để cho các hộ sử dụng làm lối đi chung và không yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì vợ chồng ông được UBND huyện PY (nay là thị xã PY) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1217 – tờ bản đồ 88, diện tích 1330m², tuy nhiên diện tích và vị trí đất thực tế gia đình ông sử dụng không phải là thửa 1217 – tờ bản đồ 88, mà là thửa đất khác cùng xóm; Thửa 1217 – tờ bản đồ 88 hiện tại do gia đình bà K và ông Đỗ Đình C sử dụng, gia đình ông Thuận, bà Thu không có liên quan hoặc tranh chấp gì đối với diện tích đất bà K đang sử dụng tại thửa 1217, tờ bản đồ 88, nên không có yêu cầu đề nghị gì. Về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình không đúng vị trí gia đình sẽ có ý kiến với cơ quan nhà nước để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau và đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- **Người làm chứng trình bày:**

- Ông Đỗ Văn G, Ông Vũ Đình B2 (nguyên là thành viên Ban chủ nhiệm Hợp tác xã ĐT) trình bày: Xác định vị trí đất bà K đang sử dụng là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, khi hợp tác xã còn hoạt động có sử dụng con đường đi cùng gia đình ông H, sau khi Hợp tác xã không hoạt động, xóm thống kê đất đai, đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, trên bản đồ thể hiện không có đường đi vào đất bà K mà cấp vào đất ông H. Ông G xác định đường đi vào sân kho rộng khoảng 2,5m; ông B2 xác định đường rộng ô tô đi được, dài khoảng 60m.

- Ông Đỗ Văn Đ (nguyên là trưởng Xóm C1) trình bày: Xác định vị trí đất bà K đang sử dụng có nguồn gốc là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, khi hợp tác xã còn hoạt động thì có con đường đi rộng khoảng 2m. Sau khi bà K ra đó ở đã rào tịt bốn xung quanh, đi nhờ qua đất nhà bố đẻ bên cạnh, nên khi đo đạc bản đồ cấp đất ông H, không thể hiện đường đi vào đất bà K. Khi các hộ xảy ra tranh chấp năm 2001 xã hòa giải đã yêu cầu ông H để lại đường đi rộng 1,7m để hai gia đình sử dụng chung.

- Ông Đỗ Đình C, Trần Ngọc M1 (là những hộ liên kế) trình bày: Xác định vị trí đất bà K đang sử dụng có nguồn gốc là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, khi hợp tác xã còn hoạt động có sử dụng con đường đi của cụ Giảng (bố ông H) để vào đất sân kho, chính là lối đi mà các hộ đang tranh chấp bây giờ. Khi bà K về đó ở đã rào tịt bốn xung quanh, không đi lối đi bây giờ mà đi nhờ qua đất nhà bố đẻ, sau đó mới chuyển sang đi nhờ qua đất ông H. Ông M1 xác định con đường trước đây rộng khoảng 2m, ông Cường xác định con đường trước đây rộng khoảng 1,5m.

- Ông Bùi Văn N1 (là anh em họ bà K), Ông Trần Văn T3 (là em ruột bà K) trình bày: Xác định vị trí đất bà K đang sử dụng có nguồn gốc là đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, khi hợp tác xã còn hoạt động thì có con đường đi rộng khoảng 4m đi vào đất sân kho, khi đó còn có gia đình ông Đỗ Văn A2, Đỗ Văn P và gia đình ông H sử dụng chung. Do ông H mức ao, mưa gió làm sạt lở bờ nên đường bé như bây giờ.

- Bà Nguyễn Thị T2 (là anh em họ với bà K, ông H và là hộ liền kề) trình bày: Xác định vị trí lối đi bà K và ông H đang tranh chấp trước đây là đường đi vào đất sân kho của Đội 5 – Hợp tác xã ĐT, khi đó con đường đi rộng khoảng hơn 3m, do gia đình ông H mức ao làm sạt lở đường đi nên lối đi bé như bây giờ.

- Ông Trần Văn P (là em ruột ông H) trình bày: Xác định lối đi mà hộ bà K và ông H đang tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình ông để lại, rộng khoảng gần 2m, năm 1961 – 1962 thành lập Hợp tác xã không có con đường đi riêng mà đi nhờ qua đất của gia đình ông, sau khi bà K ra đó ở rào kín xung quanh và đi nhờ qua đất nhà anh trai bà K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DSST ngày 24/5/2021 Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ Điều 12, Điều 22, Điều 26, Điều 95, Điều 97, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K, công nhận đoạn đường lối từ đường dân sinh của Xóm C1, xã ĐS qua thửa đất số 1359, tờ bản đồ số 7 vào đến thửa 1217, tờ bản đồ số 7, xã ĐS có tổng diện tích là 95m² là lối đi chung.

2. Buộc ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị M và anh Trần Xuân H1 phải khôi phục lại hiện trạng sử dụng đất, đoạn lối từ phần góc ao của thửa 1359, tờ bản đồ

số 7 vào đến thửa 1217, tờ bản đồ số 7, có chiều dài là 27,77m, chiều rộng cách tường rào đất ông L1 là 2m (Theo sơ đồ kèm theo bản án là đoạn lối các điểm: 25,1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18) để các hộ sử dụng làm lối đi chung.

3. Giao cho các hộ bà Trần Thị K, ông Trần Văn H, Anh Trần Xuân H1 đoạn đường lối từ đường liên thôn của Xóm C1, xã ĐS vào đến thửa đất số 1217, tờ bản đồ số 7, xã ĐS, có tổng diện tích là 95m² để sử dụng lối đi chung (Theo sơ đồ kèm theo bản án là đoạn lối các điểm: 24, 25, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 23).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các hộ sử dụng đất liền kề tiếp giáp với phần lối đi chung được giao theo bản án có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh lại diện tích, ranh giới thửa đất đã được cấp theo giấy chứng nhận cho phù hợp với lối đi chung được giao theo bản án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 7/6/2021 bị đơn ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án, với lý do chỉ đồng ý để lại đường đi rộng 1,7m; Buộc bà K trả tiền theo giá thị trường; Không nhất trí khôi phục lại con đường như án sơ thẩm tuyên. Đề nghị sửa án sơ thẩm.

Ngày 15/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có văn bản kháng nghị số 01/QĐKNPT- VKS-DS đề nghị huỷ bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST của toà án nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên vì chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ; đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phản tuyên của bản án về việc khôi phục lại đường đi chung gây khó khăn trong quá trình thi hành án.

Tại phiên toà phúc thẩm ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Chỉ nhất trí mở con đường tối đa rộng 2m và đề nghị buộc bà K phải trả tiền cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H và đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái nguyên, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) PY, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn H kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên kháng nghị trong thời hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H phải trả lại lối đi chung có chiều rộng là 3m, chiều dài là từ đường liên thôn của Xóm C1 vào đến đất của bà K đang sử dụng là thửa 1217, tờ bản đồ số 88. Lối đi nằm trên thửa 1359 – tờ bản đồ số 7 (88), ông H đã tự ý tách cho con trai là Trần Xuân H1 trong khi đang có tranh chấp, nhưng ông Trần Văn H vẫn là người đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Trần Xuân H1 anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà K. Theo ông H lối đi mà bà K đang khởi kiện, trước đây là lối đi do ông, cha ông tự mở để đi vào đất của gia đình, do liền kề có sân kho của HTX nên một số người dân cũng đã đi nhờ qua đó để vào sân kho. Năm 1983 thì HTX giải thể, nên sân kho bị bỏ hoang không ai sử dụng. Còn việc bố bà K làm cách nào để có đất của sân kho HTX, sau đó cho bà K và bà K được cấp QSD đất thì ông không biết. Ông khẳng định lối đi do gia đình ông mở để đi vào đất của gia đình nên việc bà K khởi kiện đối với ông là không có căn cứ. Hiện phần diện tích đất có lối đi mà bà K đang khởi kiện ông đã chia tách cho con là anh Trần Xuân H1, chị Ngọc Thị L1, anh H1 và chị L1 đã được cấp Giấy CNQSD đất tháng 4 năm 2020.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của bà K anh Trần Hoàng A trình bày tại phiên Tòa: Việc ông H chia tách đất cho con trai và con dâu đã được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo và giải thích. Tuy nhiên theo anh H1 hiểu, thì việc chia tách đất của ông H cho con trai là không đúng pháp luật, người đang trực tiếp quản lý đất vẫn là ông H, nên giữ nguyên quan điểm, xác định người bị yêu cầu khởi kiện ở đây là ông H, không khởi kiện đối với anh H1.

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm khi được HĐXX hỏi có yêu cầu anh H1, chị L1 trả lối đi không thì anh Trần Hoàng A vẫn cương quyết không yêu cầu anh H1, chị L1 trả lại lối đi mà chỉ yêu cầu ông H, bà M trả lại lối đi.

[3.2] Phía ông H, bà M xác định tháng 3/2020 đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh H1, chị L1 và anh H1 chị L1 đã được cấp quyền sử dụng đất. Hiện nay ông bà không còn quyền định đoạt đối với diện tích đất này.

[3.3] Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì thấy rằng diện tích đất tranh chấp nằm một phần tại thửa 1359 (đã cấp cho anh H1, chị L1) và một phần tại thửa 1382 (cấp cho ông Trần Văn L1) (BL 177)

[3.4] Như vậy hiện nay người trực tiếp quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí nguyên đơn đang đòi lại không thuộc quyền quản lý sử dụng của bị đơn là bà M và ông H, người đang quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí nguyên đơn đang đòi là anh H1, chị L1. Nhưng nguyên đơn mặc dù đã được giải thích nhưng vẫn cương quyết chỉ yêu cầu ông H, bà M trả lại lối đi.

[3.5] Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện đối với ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị M là không đúng đối tượng. Nhẽ ra trong trường hợp này cần phải đình chỉ giải quyết vụ án, để cho bà K thực hiện lại quyền khởi kiện cho đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy anh H1 và chị L1 đều đã được tham gia tố tụng và việc yêu cầu có lối đi của bà K là chính đáng. Mặt khác, bà M là người được anh H1 và chị L1 ủy quyền tham gia tố tụng đã khẳng định ý trí nguyện vọng của anh chị: Anh H1 và chị L1 nhất trí mở cho gia đình bà K một con đường có chiều rộng là 2 mét, chiều dài từ mép đường liên thôn kéo dài đến đất nhà bà K là khoảng 50 mét, yêu cầu bà K và gia đình phải có trách nhiệm trả cho anh chị một khoản tiền theo kết quả định giá của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không vi phạm đạo đức xã hội, không trái các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và tránh đề vụ án kéo dài nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện đó theo hướng: Anh H1 và chị L1 cắt ra 59.5m² đất từ thửa đất số 1359 từ bản đồ số 7 (88) để làm đường đi vào nhà bà Trần Thị K. Bà Trần Thị K có trách nhiệm trả cho anh H1 và chị L1 số tiền theo kết quả định giá của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) PY.

[3.6] Tại kết quả đo tháng 9 năm 2021 xác định: Đường rộng trung bình 2m. Tổng diện tích là 97m². Cụ thể: Nằm vào thửa 1382 (của ông L1) là 31.8m². Nằm vào thửa 1359 (của anh H1, chị L1) là 59.5m² trong đó: đất vườn là 40,4m²; đất ao là 19,1m². Thửa 1217 (bà K) 5,2m².

Theo biên bản định giá ngày 10/11/2020 thì giá đất là 250.000đ/m². Số tiền buộc bà K phải trả anh H1, chị L1 là 59.5m² x 250.000đ/m² = 14.875.000 đ

[4] Xét kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Vị trí đất tranh chấp là đoạn đường đất lối từ đường liên thôn của Xóm C1 qua thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 7 (88) đã được UBND huyện PY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H, tháng 4 năm 2020 ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị M làm thủ tục tặng cho con trai là Trần Xuân H1 một phần diện tích của thửa 1065, tờ bản đồ 7(88), anh H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1359, tờ bản đồ 7, diện tích 633m², nên lối đi có tranh chấp thuộc một phần của thửa 1359, tờ bản đồ 7, xã ĐS. Vị trí lối đi này một bên tiếp giáp với thửa 1382, tờ bản đồ 88 của ông Trần Văn L1 , đã được gia đình ông L1 xây tường rào kiên cố và các bên không có tranh chấp với phần tiếp giáp của thửa 1382, một bên tiếp giáp và thuộc một phần của thửa 1359, tờ bản đồ 7 của anh Trần Xuân H1, chị Ngọc Thị L1.

[4.2] Tại công văn số 237/UBND- TNMT ngày 23/02/2022 của UBND thị xã PY xác định: *Thửa 1065, tờ bản đồ 7 (88), diện tích 2780m² của ông Trần Văn H có nguồn gốc do bố mẹ để cho trước năm 1940, dùng vào mục đích đất ở sử dụng ổn định từ đó đến nay. Năm 1993 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa 1217, tờ bản đồ 7 (88) diện tích 620m² của bà Trần Thị K có nguồn gốc gia đình ở từ năm 1982, năm 1993 được cấp giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất, trong quá trình cấp đã ghi sai thành 1062, trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1992 thửa đất của bà K không có đường vào...

[4.3] Từ những tài liệu xác định thửa đất của bà K trên bản đồ không thể hiện đường vào, lối đi mà bà K sử dụng từ năm 1982 đến 2008 là đi trên đất của gia đình ông H, không phải lối đi chung như bà K đã trình bày. Đất của bà K ngoài giáp đất của con trai ông H, còn giáp đất nhà ông Tuấn anh trai bà K (thực tế từ năm 1991 bà K đã sử dụng lối đi này đến khi phát sinh tranh chấp năm 2001). Nay bà K muốn đi qua thì bà K phải trả cho anh H1, chị L1 một khoản tiền như ý kiến của anh H1 chị L1 nêu trên.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên thì thấy:

[5.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh hỏi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc thửa đất là không đầy đủ về việc thu thập chứng cứ dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa chính xác. Tuy nhiên, nội dung này khi giải quyết đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm, nên toà án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5.2] Nội dung đưa thiếu người liên quan là UBND xã ĐS thì thấy: Trong vụ án UBND xã ĐS không có quyền lợi nghĩa vụ gì, nên Toà án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thái Nguyên đã rút phần kháng nghị đối với nội dung này là phù hợp.

[5.3] Nội dung kháng nghị về phần tuyên của bản án buộc ông H khôi phục lại hiện trạng sử dụng đất, đoạn lối từ phần góc ao của thửa 1359, tờ bản đồ số 7 vào đến thửa 1217, tờ bản đồ số 7, có chiều dài là 27,77m, chiều rộng cách tường rào đất ông L1 là 2m. Hội đồng xét xử thấy đây là một thiếu sót của cấp sơ thẩm, việc tuyên như vậy gây khó khăn cho cơ quan thi hành án và các đương sự. Cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Đối với diện tích đất nằm trong thửa 1382 của ông Nguyễn Văn L1 (là 31,8m²) ông L1 đã xây bờ rào, trong quá trình giải quyết ông L1 tự nguyện để làm đường đi.

[7] Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 95, 96, 97, 100, khoản 1 Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Thái Nguyên; chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) PY, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đối với ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị M về việc đòi lại lối đi.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Xuân H1 và chị Ngọc Thị L1 cắt 59.5m² trong đó: đất vườn là 40,4m²; đất ao là 19,1m² cho bà Trần Thị K làm đường đi. Theo vị trí 3,4,23,24,25,3 và 11,12, 15,16,17,18,19,20,27,11 (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Trần Thị K phải trả cho anh Trần Xuân H1 và chị Ngọc Thị L1 14.875.000 đ (*Mười bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Xuân H1 và chị Ngọc Thị L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị K không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L1 để lại là 31.8m² tại thửa 1382 theo vị trí 4,5,6,7,8,9,10,11,27,20,4.

5. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được điều chỉnh, giảm trừ diện tích đất theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí:

6.1.Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị K phải chịu 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004733 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY (nay là thành phố PY)

8.2: Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005212 ngày 7/6/2021 tại Chi cục thi hành dân sự thị xã PY (nay là thành phố PY).

9. Về chi phí tố tụng:

- Ông Trần Văn H phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.200.000 đồng ông H đã nộp và chi phí xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thủy****Hoàng Quý Sửu****Nguyễn Minh Lý****Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Minh Lý**

